

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 07 tháng 05 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	285	5,700,000
Được chi trong ngày					5,700,000
Đã chi trong ngày					5,700,000
1. Dịch vụ					427,500
1	chất đốt		1,500	285	427,500
2			0	81	0
2. Kho					966,790
 Ăn chính					966,790
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	27.6	427,800
2	Dầu lạc	Kg	120,000	1.5	180,000
3	Đường kính	Kg	32,500	1.5	48,750
4	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.6	44,400
5	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
6	Hạt nêm Aji-non	Kg	62,000	0.52	32,240
7	Dầu simply	Lít	68,000	3.2	217,600
3. Đi chợ					4,305,710
 Ăn chính					4,305,710
1	Cà chua	Kg	30,000	3	90,000
2	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.3	10,500
3	Rau mùi tàu	Bó	1,000	0.5	500
4	Rau dền	Kg	20,000	2	40,000
5	Rau mồng tơi	Kg	20,000	3	60,000
6	Tỏi	Kg	50,000	0.2	10,000
7	Thịt bò loại I	Kg	240,000	2	480,000
8	Tôm biển	Kg	170,000	3	510,000
9	Đậu Phụ	Kg	25,000	11	275,000
10	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
11	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	8.8	1,144,000
12	Bầu xanh	Kg	15,000	15	225,000
13	Sữa chua	Ổng	5,000	285	1,425,000
14	Rau mùi	Bó	1,000	0.71	710
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					3,349,820
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					12,023,680
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng				831	
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					16,620,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					16,620,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán

Phó hiệu trưởng

